

Phụ lục:
Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình NSCL giai đoạn 2021-2025 và
Dự kiến các nhiệm vụ, giải pháp và chỉ tiêu giai đoạn 2026-2030
(Kèm theo Công văn số /SKHCN-TĐC ngày /11/2025 của Sở Khọc học và Công nghệ)

TT	Các mục tiêu cụ thể	Giai đoạn 2021-2025			Giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
		Theo QĐ số: 1322/QĐ-TTg và 36/QĐ-TTg	Theo KH số: 86/KH-UBND và 1866/KH-UBND	Kết quả thực hiện của tỉnh	Theo QĐ số: 1322/QĐ-TTg và 36/QĐ-TTg	Dự kiến Kế hoạch thực hiện của tỉnh	Đánh giá mức độ và tính khả thi của mục tiêu dự kiến của tỉnh	
1	Tỷ lệ hài hoà của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia với tiêu chuẩn quốc tế và khu vực	65%	-	-	70-75%	≥ 05 DN áp dụng tiêu chuẩn quốc gia hài hoà tiêu chuẩn quốc tế	Khả thi	Phổ biến kịp thời các tiêu chuẩn được hài hoà cho các tổ chức, DN liên quan.
2	Đào tạo, chứng nhận đạt chuẩn chuyên gia NSCL tại các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp	600 chuyên gia	- KH 86: đào tạo chuyên sâu: 5-10 người; - KH 1866: ít nhất 10 chuyên gia NSCL và trên 200 người được đào tạo chuyên sâu về NSCL	- Bình Định (cũ): 13 lượt người; - Gia Lai (cũ): 08 chuyên gia NSCL và 300 người được đào tạo chuyên sâu về NSCL	1.000 chuyên gia	- ≥ 10 lượt người đào tạo chuyên môn, chuyên sâu - ≥ 10 lớp đào tạo, tập huấn với hơn 600 lượt người được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng	Khả thi	
3	Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp triển khai:							
3.1	Các giải pháp nâng cao NSCL (công cụ	Tăng 10-15%/ năm	- Áp dụng đồng bộ các	02 DN đạt giải vàng	Tăng 10-15%/ năm	Áp dụng đồng bộ các	Khả thi	Giai đoạn 2021-2025: 04

	cải tiến và HTQL)		gải pháp: $\geq$ 03 DN ; - Tham gia Giải thưởng Chất lượng quốc gia: $\geq$ 05 DN, trong đó: $\geq$ 01 DN đạt Giải vàng			gải pháp, mô hình hoạt động theo Giải thưởng Chất lượng quốc gia: $\geq$ 10 DN		DN đạt giải, 03 DN đang chờ kết quả xem xét của Hội đồng quốc gia.
3.2	Các dự án/ mô hình điểm về NSCL và ứng dụng KHCN, ĐMST	≥ 300 DN	- KH 86: ≥ 2 DN/năm - KH 1866: ≥ 41 tổ chức, DN	- Bình Định (cũ): 10 DN; - Gia Lai (cũ): 18 tổ chức, DN	≥ 500 DN	≥ 05 DN	Khả thi	Tiếp tục hỗ trợ các DN đã áp dụng giai đoạn 2021-2025 duy trì và cải tiến.
3.3	Truy xuất nguồn gốc SPHH, chứng nhận VietGap, nông nghiệp hữu cơ và năng suất xanh	-	≥ 10 DN	65 DN, trong đó có 25 lượt tổ chức, DN được đánh giá chứng nhận sản phẩm theo VietGAP	-	≥ 10 DN	Khả thi	Các SPHH thực hiện TXNG trên hệ thống TXNG của tỉnh kết nối với Cổng TXNG SPHH quốc gia
4	Tăng cường năng lực cho các tổ chức đánh giá sự phù hợp	-	-	04 tổ chức, DN	-	≥ 04 DN	Khả thi	
5	Hình thành câu lạc bộ về NSCL tại các trường Đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp	≥ 10 trường, cơ sở	≥ 01 trường, cơ sở	-	≥ 20 trường, cơ sở	≥ 02 trường, cơ sở được hỗ trợ tài liệu và đào tạo, tập huấn nghiệp vụ về	Khả thi	

						NSCL		
6	Đóng góp của khoa học và công nghệ thông qua TFP	$\geq 45\%$	- Bình Định (cũ): 38-42%; - Gia Lai (cũ): 40-43%	- Bình Định (cũ): 42,94% (Đạt KH) - Gia Lai (cũ): 32,09%	$\geq 50\%$	$\geq 45\%$	Có thể rủi ro về mục tiêu. Lý do: Ước tính của tỉnh Gia Lai (mới) giai đoạn 2021-2025 đạt 34,5%	Mục tiêu này được xác định theo KH số 22-KH/TU ngày 03/9/2025 của Tỉnh ủy Gia Lai và Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 27/10/2025 của UBND tỉnh.
7	Góp phần tăng năng suất lao động bình quân	$\geq 7\%/ \text{ năm}$	- BD cũ: $\geq 7\%/ \text{ năm}$	2021: 6,18; 2022: 6,47; 2023: 5,87; 2024: 5,74	$\geq 7,5\%/ \text{ năm}$	7 – 7,5%	Có thể rủi ro về mục tiêu. Lý do: Ước tính của tỉnh Gia Lai (mới) giai đoạn 2021-2024 đạt bình quân 6,07%	